

Bản án số: **12/2025/DS -ST**

Ngày 10.4.2025

V/v “ *Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Loan
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương và ông Huỳnh Thanh Trà
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 471/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về “ *Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 02/2025/QĐST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S1 Có Ngay**. Trụ sở: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hoài V, sinh năm 1991 (Theo Giấy ủy quyền số 441/2023/UQ-SVN ngày 01/01/2024). Địa chỉ liên hệ: E L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Quốc Q**, sinh năm 1988. Địa chỉ: K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Võ Hoài V trình bày:*

Vào ngày 20/9/2019, ông Ngô Quốc Q có đến chi nhánh Đ 1 của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: DNM190901008NA19X được ký giữa các bên ngày 20/9/2019 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1: Giao dịchambao/botuphap:

1342423465 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> thì ông Ngô Quốc Q có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe máy biển kiểm soát: 43C1-879.53; Loại xe: Airblade 125cc Fi; màu: Đen Đỏ; Số khung: 6321KZ059009 ; Số máy JF63E2463697; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060470 do Công an thành phố Đ cấp ngày 15/5/2019 để lấy số tiền là 17.000.000 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 20/9/2019-20/9/2020) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty Cổ phần S1 đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Q.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có ký giấy cho ông Ngô Quốc Q mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 20/09/2019 đến 20/09/2020, địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đ. Ông Ngô Quốc Q có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thoả thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Ngô Quốc Q chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đã quá hạn hợp đồng rất nhiều ngày nhưng ông Ngô Quốc Q không trả nợ và trả lại xe máy cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay. Nhân viên của Công ty Cổ phần S1 đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Ngô Quốc Q tại địa chỉ: K N, tổ B, phường H (nay là phường H), quận H, TP Đà Nẵng nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Ngô Quốc Q trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Nay Công ty Cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu ông Ngô Quốc Q phải trả toàn bộ tổng số tiền được tính đến ngày 10/4/2025: 16.495.630 đồng , trong đó, nợ gốc: 7.821.478 đồng, lãi suất cố định: 261.676 đồng, phí quản lý hồ sơ: 325.676 đồng; lãi quá hạn: 7.406.800 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 680.000 đồng. Ông Ngô Quốc Q phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc ông Ngô Quốc Q trả lại chiếc xe đã cầm cố cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay 01 xe máy biển kiểm soát: 43C1-879.53; Loại xe: Airblade 125cc Fi; màu: Đen Đỏ; Số khung: 6321KZ059009 ; Số máy JF63E2463697; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060470 do Công an thành phố Đ cấp ngày 15/5/2019.

Bị đơn là ông Ngô Quốc Q kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngô Quốc Q tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 309, 310, 311, 314 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 16.495.630 đồng, trong đó, nợ gốc: 7.821.478 đồng, lãi suất cố định: 261.676 đồng, phí quản lý hồ sơ: 325.676 đồng; lãi quá hạn: 7.406.800 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 680.000 đồng. Ông Ngô Quốc Q phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Ngô Quốc Q nhng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả lại chiếc xe đã cầm cố cho nguyên đơn 01 xe máy biển kiểm soát: 43C1-879.53; Loại xe: Airblade 125cc Fi; màu: Đen Đỏ; Số khung: 6321KZ059009 ; Số máy JF63E2463697; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060470 do Công an thành phố Đ cấp ngày 15/5/2019. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần căn cứ Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xem xét, giải quyết với yêu cầu này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu HĐXX buộc ông Ngô Quốc Q phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 16.495.630 đồng, trong đó, nợ gốc: 7.821.478 đồng, lãi suất cố định: 261.676 đồng, phí quản lý hồ sơ: 325.676 đồng; lãi quá hạn: 7.406.800 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 680.000 đồng. Ông Ngô Quốc Q phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Còn bị đơn ông Ngô Quốc Q không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy:

Vào ngày 20/9/2019, ông Ngô Quốc Q và Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có ký Hợp đồng cầm cố số DNM190901008NA19X. Theo nội dung Hợp đồng ông Ngô Quốc Q có nhận từ Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền 17.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 20/09/2019 đến 20/09/2020) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng; lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định là 1,9%/tháng. Ông Q cầm cố tài sản là 01 xe máy biển kiểm soát: 43C1-879.53. Sau khi cầm cố, ông Q đã ký giấy mượn lại chiếc xe cầm cố trong thời hạn từ 20/9/2019 đến 20/9/2020. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 170.000 đồng/tháng.

Xét thấy Hợp đồng cầm cố số DNM190901008NA19X ngày 20/9/2019 được lập giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay tổng cộng là 14.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 9.178.522 đồng, lãi suất cố định : 1.018.037 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.887.358 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 1.190.000 đồng, lãi quá hạn: 726.082 đồng. Từ ngày 21/5/2000 đến nay ông Q không thanh toán nợ và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 16.495.630 đồng, trong đó, nợ gốc: 7.821.478 đồng, lãi suất cố định: 261.676 đồng, phí quản lý hồ sơ: 325.676 đồng; lãi quá hạn: 7.406.800 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 680.000 đồng là phù hợp với các Điều 309, 310, 311, 314 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 11/4/2025 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số DNM190901008NA19X ngày 20/9/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Công ty Cổ phần S1 có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ cho ông Q sau khi ông Q thanh toán đủ số tiền nợ.

[3] Về án phí:

- Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn là ông Ngô Quốc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 824.781 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 309, 310, 311, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 217, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với ông Ngô Quốc Q.

Xử: Buộc ông Ngô Quốc Q phải trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay tổng số tiền tạm tính đến 10/4/2025 là 16.495.630 đồng, trong đó, nợ gốc: 7.821.478 đồng, lãi suất cố định: 261.676 đồng, phí quản lý hồ sơ: 325.676 đồng; lãi quá hạn: 7.406.800 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 680.000 đồng.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 11/4/2025 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số DNM190901008NA19X ngày 20/9/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Công ty Cổ phần S1 có nghĩa vụ trả lại cho các giấy tờ cho ông Q sau khi ông Q thanh toán đủ số tiền nợ.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại chiếc xe đã cầm cố cho nguyên đơn 01 xe máy biển kiểm soát: 43C1-879.53; Loại xe: Airblade 125cc Fi; màu: Đen Đỏ; Số khung: 6321KZ059009 ; Số máy JF63E2463697; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060470 do Công an thành phố Đ cấp ngày 15/5/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 824.781 đồng ông Ngô Quốc Q phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 373.950 đồng theo biên lai thu số 0004742 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Quốc Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Loan

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Châu, ngày 29 tháng 02 năm 2024

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- TP .**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh L

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn S

2. Ông Huỳnh Thanh T3.

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự

Vào hồi giờ ngày 29/02/2024. Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án DSST V/v “Yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà” :

** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt*

** Bị đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Minh T1, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: E Ông Í, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về Điều luật áp dụng: - Căn cứ: Điều 26, 30, 35, 40, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ 428 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 10, 117, 119, 129, 131 và 132 Luật Nhà ở năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

2. Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn là ông Đỗ Anh T và bà Trần Thị Minh T1 về việc “ Tranh chấp hợp đồng thuê nhà ”

Tuyên bố “Hợp đồng thuê nhà” được lập giữa Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị B với ông Đỗ Anh T và bà Trần Thị Minh T1 (do Văn phòng C chứng nhận với số công chứng 3208, quyển số 01 TP/CC – SCC/HĐGD vào ngày 12/5/2020) bị chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

3. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Minh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên lai số 0002570 ngày 07/11/2023.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

4. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sanh Huỳnh Thanh T3 Đặng Ngọc Kinh L

